TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 48/2021/DS-GĐT
Ngày 28-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho, hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Ngọc Trâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuân;

Ông Lê Văn Minh;

Ông Trần Hồng Hà;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Hải Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tặng cho, hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở và chia tài sản chung" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Trần Thuận T, sinh năm 1929 (chết năm 2015).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T :

1. Ông Trần Tòng B (chết năm 2018), có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị Tuyết M, chị Trần Thu H và chị Trần Thu H1, cùng cư trú tại: Số 34/12/11, Quốc lộ X, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Kim C, sinh năm 1966; địa chỉ: 07 Laurel Street, ST Albans, Victoria 3021, Australia.

3. Bà Trần Kim L, sinh năm 1967; địa chỉ: 2/50 Lily Street Braybrook, Australia.

4. Ông Trần Kim B1, sinh năm 1971; địa chỉ: 03 Crown Court King Part, Australia.

5. Bà Trần Tú B2, sinh năm 1973; địa chỉ: 13 Healthcote Court Endeavour Hills 3802 Melbour, Australia.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Kim Đ, sinh năm 1977 (chết năm 2015).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ gồm: Bà Nguyễn Thị B3, anh Trần Thành L1, anh Trần Gia B4 và anh Trần Tuệ M1; người giám hộ cho anh B4, anh M1 là bà Nguyễn Thị B3. Cùng cư trú tại: Số 74 MP, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Tú A, sinh năm 1978; cư trú tại: Số 629/23 TTV, Phường MH, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Kim C, sinh năm 1966; địa chỉ: 07 Laurel Street, ST Albans, Victoria 3021, Australia.

2. Bà Trần Kim L, sinh năm 1967; địa chỉ: 2/50 Lily Street Braybrook, Australia.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Bà Trần Thu H, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 34/12/11, Quốc lộ X, xã BH, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 31/7/2015).

3. Ông Trần Kim B1, sinh năm 1971; địa chỉ: 03 Crown Court King Part, Australia.

Người đại diện hợp pháp của ông B1: Ông Liêu Thái H2, sinh năm 1979; cư trú tại: Số 25 MĐC, phường AC, quận NK, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2015).

4. Bà Trần Tú B2, sinh năm 1973; địa chỉ: 13 Healthcote Court Endeavour Hills 3802 Melbour, Australia.

5. Ông Trần Tòng B, sinh năm 1973 (chết ngày 12/02/2018), có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị Tuyết M, chị Trần Thu H và chị Trần Thu H1; cùng cư trú tại: Số 34/12/11, Quốc lộ X, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 107 CVL, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Bùi Trọng S - Trưởng phòng Tư pháp Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019).

7. Công ty TNHH Dịch vụ Thực phẩm và Giải khát Việt Nam; địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Saigon Royal, 91 Pasteur, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Dịch vụ Thực pham và Giải khát Việt Nam: Bà Nguyễn Minh H3, cư trú tại: Số 45 ĐTH, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/12/2012 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là cụ Trần Thuận T (do ông Liêu Thái H2 là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Vợ chồng cụ Trần Thuận T, cụ Trương Thị T1 mua nhà đất tại số 74 MP, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là nhà đất tại số 74 MP) của cụ Lê Thị N theo Giấy phép số 666/GP-6 ngày 28/3/1981 của Giám đốc Sở quản lý nhà đất và công trình công cộng Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ T1 chết năm 1991, cụ T tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên. Năm 2008, Uỷ ban nhân dân Quận 6 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đăng ký thay đổi ngày 25/12/2008, theo đó cụ T là đồng sở hữu và là người đại diện cho các thừa kế của cụ T1 (gồm cụ T và các con là ông bà Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim B1, Trần Tú B2, Trần Tòng B, Trần Kim Đ và Trần Tú A).

Năm 2010, ông Đ và bà A đề nghị cụ T ủy quyền nhà đất nêu trên cho ông Đ, bà A ký hợp đồng cho thuê căn nhà và mỗi tháng đưa cho cụ T 20.000.000 đồng để cụ T sinh hoạt, chữa bệnh; đồng thời, bà A, ông Đ hứa sẽ nuôi dưỡng cụ T suốt đời nên cụ T đã đồng ý. Bà A, ông Đ đã lợi dụng việc cụ T (người Hoa) tuổi cao, sức yếu, bệnh tật và không rành Tiếng Việt nên đã làm hợp đồng tặng cho một phần nhà đất nêu trên nhằm chiếm đoạt tài sản của cụ T và của các đồng thừa kế khác. Vợ chồng cụ T có 07 người con nên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 08/11/2010 xác định những người thừa kế của cụ Tr gồm cụ T và 02 người con là ông Đ, bà A là không đúng. Sau đó, bà A, ông Đ đã làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại số 74 MP.

Do đó, cụ T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 08/11/2010 giữa cụ T với bà A, ông Đ là vô hiệu; hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 08/11/2010, buộc bà A, ông Đ phải giao trả tài sản là nhà đất số 74 MP cho cụ T và các đồng thừa kế; đồng thời hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất do Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2010 cho bà A, ông Đ.

Bị đơn là ông Trần Kim Đ và bà Trần Tú A (do ông Ngô Thành N1 là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 08/11/2020, gia đình đã thống nhất cho cụ T toàn quyền quyết định một phần sở hữu căn nhà số 74 MP, cũng trong ngày 08/11/2020, cụ T ký hợp đồng tặng cho phần sở hữu của mình cho ông Đ, bà A tại Văn phòng Công chứng CL. Tại thời điểm công chứng, cụ T không đọc, viết Tiếng Việt rành nhưng cụ T vẫn nghe, nói được Tiếng Việt thuần thục nên đã được người làm chứng là bà Nguyễn Thị Ngọc A1 (do cụ T mời) đọc lại toàn bộ nội dung hợp đồng cho cụ T nghe; cụ T đã hiểu rõ nội dung và nhìn nhận là đúng với ý muốn của cụ T nên cụ T đã ký tên, lăn tay vào hợp đồng tặng cho. Do đó, ông Đ, bà A không đồng ý với yêu cầu của cụ T.

Tại Đơn phản tố ngày 19/9/2014, bà A đề nghị nếu Tòa án hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 13/12/2010 thì bà yêu cầu chia tài sản chung là phần di sản của cụ T1 để lại là 1/2 giá trị căn nhà số 74 MP, chia tài sản chung theo nguyên tắc chia đều 08 suất và tính công sức gìn giữ, quản lý di sản của bà. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A không yêu cầu tính chi phí sửa chữa nhà nhưng vẫn yêu cầu tính công sức gìn giữ căn nhà cho bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Kim L, ông Trần Kim B1 (do ông Liêu Thái H2 là người đại diện theo ủy quyền), ông Trần Tòng B trình bày:

Thống nhất với trình bày của nguyên đơn.

- Bà Trần Kim C, bà Trần Tú B2 trình bày:

Khi thực hiện thủ tục tặng cho nhà cho ông Đ, bà A thì cụ T có thông báo cho hai bà biết và hai bà đồng ý với việc tặng cho này. Do đó, hai bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ T. Nếu được phân chia di sản thì nhường lại toàn bộ kỷ phần được hưởng trong căn nhà số 74 MP cho bà A, ông Đ.

- Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (do ông Bùi Trọng S là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ủy ban nhân dân Quận 6 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 13/12/2010 cho ông Đ, bà A là đúng quy định pháp luật.

- Công ty TNHH Dịch vụ Thực phẩm và Giải khát Việt Nam trình bày:

Công ty đang ký hợp đồng thuê căn nhà số 74 MP với bà A. Công ty muốn được tiếp tục ký hợp đồng thuê với chủ sở hữu căn nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2015/DS-ST ngày 11/02/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thuận T về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 008880 quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/11/2010 lập tại Văn phòng Công chứng Chợ Lớn giữa cụ Trần Thuận T với bà Trần Tú A, ông Trần Kim Đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Trần Thuận T về yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 08/11/2010 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 04626 do Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2010 cho bà Trần Tú Anh và ông Trần Kim Đức.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Trần Tú A về việc chia tài sản chung.

Xác định di sản thừa kế của cụ Trương Thị T1 là 1/2 giá trị nhà 74 MP, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 2.250.000.000 đồng.

Xác định các đồng thừa kế của cụ Trương Thị T1 gồm Trần Thuận T, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim B1, Trần Tú B2, Trần Tòng B, Trần Kim Đ và Trần Tú A. Mỗi người được hưởng 1/8 di sản thừa kế của cụ Trương Thị T1, tương đương số tiền là 281.250.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Kim C, bà Trần Tú B2 giao suất thừa kế của bà C, bà B cho bà Trần Tú A và ông Trần Kim Đ. Bà Trần Tú A và ông Trần Kim Đ được ưu tiên nhận nhà và hoàn trả suất thừa kế cho cụ Trần Thuận T, bà Trần Kim L, ông Trần Kim B1, ông Trần Tòng B.

Sau khi bà Trần Tú A và ông Trần Kim Đ hoàn trả các suất thừa kế nêu trên, bà Trần Tú A, ông Trần Kim Đ được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất mang tên bà Trần Tú A và ông Trần Kim Đ.

Quá hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Trần Tú A và ông Trần Kim Đ không thi hành việc thanh toán nêu trên thì ông bà Trần Thuận T, Trần Kim L, Trần Kim B1, Trần Tòng B được quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thi hành án. Việc phát mãi tài sản để thi hành án cũng theo phương thức chia nêu trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Tú A không yêu cầu tính công sức gìn giữ di sản và tiền sửa chữa căn nhà.

Ghi nhận ý kiến của Công ty TNHH Dịch vụ Thực phẩm và Giải khát Việt Nam không có ý kiến và yêu cầu gì trong tranh chấp giữa các bên.

Ghi nhận ý kiến của các bên không tranh chấp tiền thuê nhà mà bà Trần Tú A nhận từ Công ty TNHH Dịch vụ Thực phẩm và Giải khát Việt Nam.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/02/2015, cụ Trần Thuận T có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 237/2019/DS-PT ngày 19/6/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa phần Bản án sơ thẩm về tuyên bố hợp đồng tặng cho tài sản, hủy một phần Bản án sơ thẩm về việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 008880 quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/11/2010 lập tại Văn phòng Công chứng CL giữa cụ Trần Thuận T với bà Trần Tú A và ông Trần Kim Đ là vô hiệu.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Trần Thuận T về yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 08/11/2010 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 04626 do Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2010 cho bà Trần Tú A và ông Trần Kim Đ.

- Hủy phần giải quyết về yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung. Các bên đương sự sẽ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung hoặc chia thừa kế (nếu thời hiệu vẫn còn) khi đủ điều kiện để khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 10/9/2019, bà Trần Tú A có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 47/2021/KN-DS ngày 06/9/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 237/2019/DS-PT ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2015/DS-ST ngày 11/02/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nhà đất tại số 74 MP, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh do vợ chồng cụ Trần Thuận T, cụ Trương Thị T1 mua của cụ Lê Thị N theo Giấy phép cho bán nhà số 666/GP-6 ngày 28/3/1981 của Sở quản lý nhà đất và công trình công cộng Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ T1 chết năm 1991, năm 2008 Ủy ban nhân dân Quận 6 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên cho cụ T (với tư cách đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của cụ T1). Do đó, 1/2 nhà đất tại số 74 MP thuộc quyền sở hữu của cụ T, 1/2 nhà đất còn lại là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ T1.

[2] Ngày 08/11/2010, tại Văn phòng Công chứng CL, cụ T và ông Trần Kim Đ, bà Trần Tú A cùng ký tên, điểm chỉ Hợp đồng tặng cho một phần nhà đất tại số 74 MP với nội dung: cụ T tặng cho phần sở hữu, sử dụng của cụ T trong nhà đất nêu trên cho ông Đ, bà A. Đồng thời, hai bên lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản của cụ Tr ngày 08/11/2010 với nội dung: những người thừa kế của cụ T1 gồm cụ T, ông Đ, bà A; cụ T đồng ý tặng cho toàn bộ phần di sản tại nhà đất nêu trên mà cụ T được hưởng thừa kế của cụ T1 cho ông Đ, bà A. Do đó, có căn cứ xác định theo Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở ngày 08/11/2010, cụ T chỉ tặng cho ông Đ, bà A 1/2 nhà đất tại số 74 MP (phần thuộc quyền sở hữu của cụ T nêu trên).

[3] Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 08/11/2010 được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức của hợp đồng tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở ngày 08/11/2010 nêu trên của cụ T là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng cụ T, ông Đ, bà A kê khai gian dối những người thừa kế của cụ T1 khi lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản của cụ T1 ngày 08/11/2010, từ đó tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở ngày 08/11/2010 vô hiệu là không có căn cứ.

[4] Thực tế, vợ chồng cụ T, cụ T1 có 07 người con gồm bà Trần Kim C, bà Trần Kim L, ông Trần Kim B1, bà Trần Tú B2, ông Trần Tòng B, ông Trần Kim Đ, bà Trần Tú A. Phần di sản của cụ T1 (1/2 nhà đất tại số 74 MP) đã chuyển thành tài sản chung của các thừa kế của cụ T1 kể từ thời điểm cụ T (với tư cách đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của cụ T1) được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, cụ T, ông Đ, bà A lại lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản của cụ Tr ngày 08/11/2010, theo đó chỉ xác định những người thừa kế của cụ T1 gồm cụ T, ông Đ, bà A để định đoạt 1/2 nhà đất còn lại là trái pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của những người đồng sở hữu khác. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm nhận định Văn bản thỏa thuận phân chia di sản của cụ T1 ngày 08/11/2010 trái pháp luật là có căn cứ nhưng tuyên hủy, không tuyên bố văn bản này vô hiệu là không chính xác.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc chia tài sản chung (1/2 nhà đất tại số 74 MP) là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định 1/2 nhà đất tại số 74 MP là di sản của cụ T1 để chia theo quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm lại cho rằng phần tài sản này đã chuyển quyền sở hữu cho người khác, đang có tranh chấp, chưa được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, từ đó hủy phần giải quyết chia tài sản chung của án sơ thẩm, để giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu là không đúng, kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 47/2021/KN-DS ngày 06/9/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 237/2019/DS-PT ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2015/DS-ST ngày 11/02/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án *"Tranh chấp hợp đồng tặng cho, hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở và chia tài sản chung"* giữa nguyên đơn là cụ Trần Thuận T, chết năm 2015, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là ông Trần Tòng B (chết năm 2018, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị Tuyết M, chị Trần Thu H, chị Trần Thu H1), bà Trần Kim C, bà Trần Kim L, ông Trần Kim B1, bà Trần Tú B2 với bị đơn là ông Trần Kim Đ, chết năm 2015, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị B3, anh Trần Thành L1, anh Trần Gia B4, anh Trần Tuệ M1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (Kèm Hồ sơ vụ án);
- Cục THA dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán Chủ tọa, GĐKT II (2b), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Trâm